

# Câu hỏi trắc nghiệm Môn học Hệ điều hành

1. Hệ điều hành là phần mềm
  - a. luôn luôn phải có để máy tính hoạt động
  - b. điều khiển thiết bị phần cứng
  - c. quản lý và phân phối tài nguyên máy tính phục vụ cho các ứng dụng**
  - d. Tất cả các câu trên đều đúng
2. Hệ điều hành thiết kế theo kiểu microkernel có tất cả các đặc trưng sau ngoại trừ
  - a. việc mở rộng chức năng sẽ dễ dàng
  - b. chỉ những chức năng cơ bản mới được hiện thực trong kernel
  - c. phần lớn các dịch vụ được hiện thực trong user space
  - d. giao tiếp giữa client và service provider được thực hiện thông qua cơ chế shared memory**
3. Việc truyền thông số từ chương trình ứng dụng đến hệ điều hành có thể thực hiện bằng cách lưu thông số trong
  - a. các thanh ghi
  - b. stack
  - c. vùng nhớ trong bộ nhớ chính
  - d. Tất cả các câu trên đều đúng**
4. Ưu điểm chính của time-sharing system so với multiprogrammed system.
  - a. Chi phí quản lý các process nhỏ hơn
  - b. Tăng hiệu suất của CPU
  - c. Thời gian đáp ứng (response time) nhỏ hơn**
  - d. Giảm burst time của process
5. Trong ngôn ngữ C: &a sẽ cho biết
  - a. địa chỉ biến a trong không gian nhớ của process**
  - b. địa chỉ hiện tại của biến a trong RAM
  - c. địa chỉ thực của biến a
  - d. chưa biết!!!
6. Kỹ thuật Overlay được áp dụng khi:
  - a. không còn vùng nhớ để chạy chương trình.
  - b. chương trình có kích thước lớn hơn vùng nhớ.**
  - c. chương trình có kích thước nhỏ hơn vùng nhớ.
7. Khi bộ nhớ có hiện tượng phân mảnh(fragmentation) qua nhiều thì HĐH sẽ:
  - a. tiến hành thu gom những Hole nhỏ thành Hole lớn hơn.**
  - b. loại bỏ bớt một số process.
  - c. treo máy.
8. Với một hệ thống đa chương trình thì bộ nhớ sẽ:
  - a. hệ điều hành được nạp.
  - b. hệ điều hành và một process.
  - c. hệ điều hành và nhiều process.**
9. Một trang bộ nhớ được quản lý bởi:
  - a. một phần tử trong bản trang.
  - b. PR (present bit).
  - c. PF(page frame number).**
10. Trong kỹ thuật phân trang (Paging) khi bộ nhớ thực đầy thì HĐH sẽ:
  - a. tiến hành nạp lại các trang.

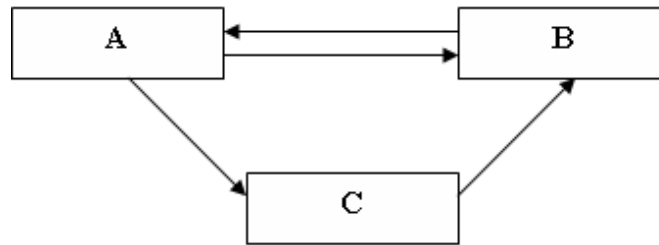
- b. **thực hiện chiến lược thay thế trang.**
  - c. loại bỏ các trang bị lỗi.
- 11. Process là gì:
  - a. một chương trình lưu trên đĩa.
  - b. **một chương trình nạp vào bộ nhớ và đang được CPU thực thi.**
  - c. một chương trình được nạp vào bộ nhớ.
- 12. Trạng thái BLOCKED của một process là do:
  - a. đang chờ nhập xuất.
  - b. đang chờ một sự kiện nào đó chưa xảy ra.
  - c. **cả 2 đều đúng.**
- 13. Hành động nào HĐH sẽ thực thi một process mới sinh ra:
  - a. cấp CPU ngay cho process.
  - b. Giao ngay các tài nguyên mà process cần.
  - c. **Tạo ngay khối PCB để quản lý process.**
- 14. Độ ưu tiên của các process cho biết:
  - a. Process sử dụng CPU nhiều hay ít.
  - b. Process chiếm nhiều hay ít vùng nhớ.
  - c. **tầm quan trọng của process.**
- 15. Khi một process chuẩn bị vào hay ra khỏi một vùng Critical Section thì phải:
  - a. xin phép HĐH.
  - b. phát cờ hiệu khi vào và thả khi ra.
  - c. **cả hai ý trên.**
- 16. Hàng đợi dành cho các process xếp hàng chờ nhập xuất được gọi là:
  - a. Busy-Waiting buffer.
  - b. **Ready queue.**
  - c. Waiting queue.
- 17. Giải thuật nào sau đây gọi nhau:
  - a. Giải thuật an toàn gọi giải thuật nhà băng.
  - b. Giải thuật nhà băng gọi giải thuật an toàn.
  - c. **Hai giải thuật trên chạy độc lập.**
- 18. Kỹ thuật nhập xuất nào sau đây làm CPU ít bận rộn nhất:
  - a. Busy\_waiting.
  - b. Interrupt.
  - c. **DMA.**
- 19. Trong Linux muốn ngưng lệnh ping ta phải nhấn phím :
  - a. Ctrl+Break.
  - b. Ctrl+D.
  - c. **Ctrl+C.**
- 20. Trong Linux lệnh ps -aux cho kết quả tương đương với thao tác nào sau đây trong MS-Windows:
  - a. Start/Shutdown.
  - b. Start/Run rồi gõ cmd.
  - c. **mở chương trình Task Manager.**
- 21. Hệ điều hành là:
  - a. là phần mềm chỉ để quản lý các phần cứng.
  - b. **phần mềm trung gian giữa các chương trình ứng dụng và các phần cứng máy tính.**
  - c. cả 2 câu trên đều đúng.

22. Trong hệ thống file Ext2 các thông tin cơ bản của một partition được lưu tại vùng:
- a. Super Block.**
  - b. Group Descriptor.
  - c. cả 2 vùng trên.
23. Trong Ext2, thư mục /root được quản lý bởi:
- a. Inode số 1.
  - b. Inode số 2.**
  - c. cả 2 câu trên đều sai.
24. Hãy chọn các đặc điểm đúng với khái niệm hệ điều hành đa nhiệm (multitasking operating system ) trong các đặc điểm sau :
- a. Hệ thống quản lý tiến trình theo lô
  - b. Hệ thống quản lý làm việc phân tán
  - c. Hệ thống quản lý nhiều người dùng (multi user)
  - d. Hệ thống điều phối bộ vi xử lý theo kiểm time – sharing.**
25. bộ nhớ chính (bộ nhớ trong ) bao gồm:
- a. thanh ghi và Rom
  - b. Rom và Ram**
  - c. Cache và Rom
  - d. Thanh ghi và Ram
26. chọn câu đúng trong các câu dưới đây
- a. chuột là công cụ duy nhất giúp người dùng giao tiếp với hệ thống
  - b. hệ điều hành windows không cung cấp khả năng làm việc trong môi trường mạng
  - c. Windows là hệ điều hành đơn nhiệm
  - d. Hệ điều hành Windows có giao diện đồ họa
27. Unix và Linux là :
- a. Vừa là hệ điều hành đa nhiệm vừa là hệ điều hành đơn nhiệm
  - b. Hệ điều hành đơn nhiệm
  - c. Hệ điều hành đa nhiệm nhiều người dùng**
  - d. Hệ điều hành đa nhiệm một người dùng
28. tìm câu sai trong các câu dưới đây
- a. Để chỉ một tệp ở thư mục nào người ta thường lấy tên thư mục đó làm phần tên của tệp và bổ xung thêm phần mở rộng.
  - b. Thư mục có thể chứa tệp cùng tên với thư mục đó
  - c. Trong cùng một thư mục có thể lưu trữ 2 tệp cùng phần tên nhưng có phần mở rộng khác nhau
  - d. Hai thư mục cùng tên phải ở trong hai thư mục mẹ khác nhau
29. Thanh ghi:
- a. không là 1 thành phần của CPU
  - b. là 1 phần của bộ nhớ trong
  - c. là 1 phần của bộ nhớ ngoài
  - d. là vùng đặc biệt được CPU sử dụng để ghi nhớ tạm thời các lệnh và dữ liệu đang được xử lý
30. Số 110100111 được biểu diễn ở cơ số 10 là:
- a. 243
  - b. 432
  - c. 422
  - d. 423**
31. Trong các phát biểu sau về chức năng cơ bản của hệ điều hành, phát biểu nào sai?

- a. Cung cấp môi trường giao tiếp người – máy
  - b. Quản lý thông tin trên bộ nhớ ngoài
  - c. Quản lý giao tiếp với các máy tính khác trên mạng
  - d. Quản lý (phân phối, thu hồi) các tài nguyên của máy cho các chương trình
32. Những mục nào trong bảng dưới đây có đầy thao tác hợp lý tạo một thư mục mới trong một thư mục của đĩa C?
- a. Mở cửa sổ thư mục (trong đĩa C) sẽ chứa thư mục mới;  
- Gõ tên định đặt cho thư mục mới thay chỗ chữ New Folder trong khung đặt tên, xác nhận tên vừa đặt bằng cách nhấn phím Enter.
  - b. Mở cửa sổ thư mục (trong đĩa C) sẽ chứa thư mục mới;  
- Chọn File trên thanh bảng chọn, rồi chọn lần lượt New, Folder;  
- Nhấn phím Enter khi xuất hiện New Folder trong khung đặt tên thư mục mới;  
- Gõ tên thư mục mới vào New Folder.
  - c. Mở cửa sổ thư mục (trong đĩa C) sẽ chứa thư mục mới;  
- Nháy chuột phải tại vùng trống trong cửa sổ thư mục đó;  
- Chọn New trong bảng chọn vừa xuất hiện, rồi chọn Folder;  
- Gõ tên định đặt cho thư mục mới thay chỗ chữ New Folder trong khung đặt tên, xác nhận tên vừa đặt bằng cách nhấn phím Enter.
  - d. Chọn File trên thanh bảng chọn, rồi chọn lần lượt New, Folder;  
- Gõ tên định đặt cho thư mục mới thay chỗ chữ New Folder trong khung đặt tên, xác nhận tên vừa đặt bằng cách nhấn phím Enter.
33. Hệ điều hành nào dưới đây không phải là hệ điều hành đa nhiệm nhiều người dùng?
- a. LINUX
  - b. MS - DOS
  - c. UNIX
  - d. Windows 2000
34. những mô tả nào dưới đây không phải là một mô tả đúng với hệ điều hành unix
- a. cung cấp giao diện tương tác với người dùng bằng cách sử dụng các chỉ lệnh ký tự
  - b. vì đặc tả của nó được công bố công khai và nó có tính chuyển đổi cao nên nó được chấp nhận trong nhiều thiết bị
  - c. cho phép nhiều người sử dụng đồng thời, mỗi cá nhân thực hiện một nhiệm vụ
  - d. cung cấp những chức năng mạng dễ dàng để thực hiện xử lý phân tán
35. những mô tả nào dưới đây không phải là một mô tả đúng với hệ điều hành unix
- a. cung cấp giao diện tương tác với người dùng bằng cách sử dụng các chỉ lệnh ký tự
  - b. vì đặc tả của nó được công bố công khai và nó có tính chuyển đổi cao nên nó được chấp nhận trong nhiều thiết bị
  - c. cung cấp những chức năng mạng dễ dàng để thực hiện xử lý phân tán
  - d. không được phát triển dùng cho máy trạm làm việc
36. phương pháp chuyển chương trình đang được thực hiện vào thiết bị lưu trữ phụ để tải và thực hiện một chương trình khác với độ ưu tiên cao hơn. Hãy chọn một phương án phù hợp với mô tả
- a. phương pháp ghi đè
  - b. phương pháp hoán đổi
  - c. phương pháp phân trang
  - d. phương pháp tái định vị
37. hãy chọn một tên phù hợp với phương pháp phân chia không gian bộ nhớ thành các kích thước nhất định, quản lý nó và thực hiện bộ nhớ ảo.
- a. Thrashing

- b. Swapping
- c. Paging
- d. Segmentation

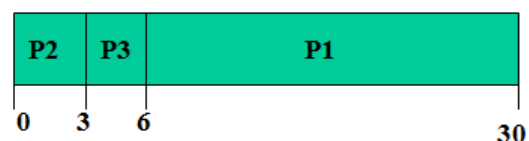
38. trong bảng sau là tổ hợp các trạng thái của tiến trình, hãy chọn tổ hợp đúng với sơ đồ cho ở dưới đây, các mũi tên chỉ chiều dịch chuyển trạng thái của tiến trình.



- a. - A. Trạng thái sẵn sàng – B. Trạng thái thực hiện – C. trạng thái chờ tài nguyên
  - b. – A. Trạng thái sẵn sàng – B. Trạng thái chờ tài nguyên – C. trạng thái thực hiện
  - c. – A. trạng thái thực hiện – B. trạng thái sẵn sàng – C. trạng thái chờ tài nguyên
  - d. – A. trạng thái thực hiện – B. trạng thái chờ tài nguyên – C. trạng thái sẵn sàng
39. Giả sử một hệ thống quản lý bộ nhớ đa chương với phân vùng động có bộ nhớ chứa các lỗ hổng không liên tục với độ lớn theo thứ tự sau: 10KB, 4KB, 20KB, 18KB, 7KB, 9KB, **13KB**, và 15KB. Một tiến trình cần đoạn bộ nhớ với dung lượng 12 KB đã được đặt vào lỗ hổng 13KB. Hãy chọn phương pháp thích hợp với kết quả đó trong các phương pháp sau:
- a. First – fit
  - b. Best – fit
  - c. Worst – fit
  - d. Swapping
40. Giả sử một hệ thống quản lý bộ nhớ đa chương với phân vùng động có bộ nhớ chứa các lỗ hổng không liên tục với độ lớn theo thứ tự sau: 10KB, 4KB, 15KB, 18KB, 7KB, 9KB, 13KB, và **20KB**. Một tiến trình cần đoạn bộ nhớ với dung lượng 12 KB đã được đặt vào lỗ hổng 20KB. Hãy chọn phương pháp thích hợp với kết quả đó trong các phương pháp sau:
- a. First – fit
  - b. Best – fit
  - c. Worst – fit
  - d. Swapping
41. Giả sử một hệ thống quản lý bộ nhớ đa chương với phân vùng động có bộ nhớ chứa các lỗ hổng không liên tục với độ lớn theo thứ tự sau: 10KB, 4KB, **15KB**, 18KB, 7KB, 9KB, 13KB, và 20KB. Một tiến trình cần đoạn bộ nhớ với dung lượng 12 KB đã được đặt vào lỗ hổng 15KB. Hãy chọn phương pháp thích hợp với kết quả đó trong các phương pháp sau:
- a. First – fit
  - b. Best – fit
  - c. Worst – fit
  - d. Swapping
42. Giả sử có 3 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3 cho trong bảng sau:

Process	Tcpu1
P1	24
P2	3
P3	3

Gantt Chart for Schedule



Thời gian vào là P1, P2, P3, áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ (waiting time ) trung bình khi thực hiện cả 3 tiến trình

- a. 15 đơn vị thời gian
- b. 16 đơn vị thời gian
- c. 17 đơn vị thời gian
- d. 18 đơn vị thời gian

43. Giả sử có 3 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3 cho trong bảng sau:

Process	Tcpu1
P1	24
P2	3
P3	3

Gantt Chart for Schedule



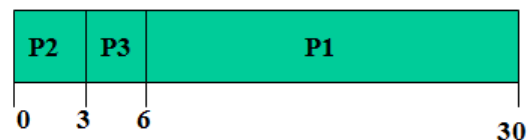
Thời gian vào là P1, P2, P3, áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian hoàn thành ( turnaround time ) trung bình khi thực hiện cả 3 tiến trình

- a. 25 đơn vị thời gian
- b. 26 đơn vị thời gian
- c. 27 đơn vị thời gian
- d. 28 đơn vị thời gian

44. Giả sử có 3 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3 cho trong bảng sau:

Process	Tcpu1
P1	24
P2	3
P3	3

Gantt Chart for Schedule

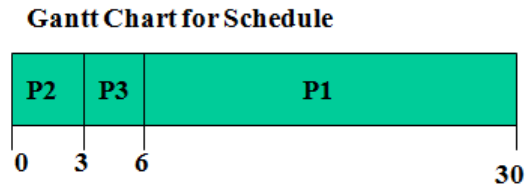


Thời gian vào là P2, P3, P1, áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ (waiting time ) trung bình khi thực hiện cả 3 tiến trình

- a. 2 đơn vị thời gian
- b. 3 đơn vị thời gian
- c. 4 đơn vị thời gian
- d. 5 đơn vị thời gian

45. Giả sử có 3 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3 cho trong bảng sau:

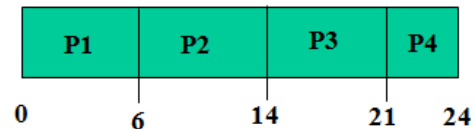
Process	Tcpu1
P1	24
P2	3
P3	3



Thời gian vào là P2, P3, P1, áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian hoàn thành ( turnaround time ) trung bình khi thực hiện cả 3 tiến trình

- 2 đơn vị thời gian
  - 13 đơn vị thời gian
  - 14 đơn vị thời gian
  - 15 đơn vị thời gian
46. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

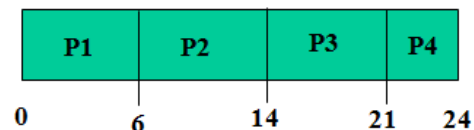
Process	Tarrive	Tcpu1
P1	0	6
P2	1	8
P3	2	7
P4	3	3



Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ ( waiting time ) trung bình khi thực hiện cả 4 tiến trình

- 8 đơn vị thời gian
  - 8.25 đơn vị thời gian
  - 8.50 đơn vị thời gian
  - 8.75 đơn vị thời gian
47. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process	Tarrive	Tcpu1
P1	0	6
P2	1	8
P3	2	7
P4	3	3



Thời gian vào là P1, P2, P3, P4, áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian hoàn thành ( turnaround time ) trung bình khi thực hiện cả 4 tiến trình

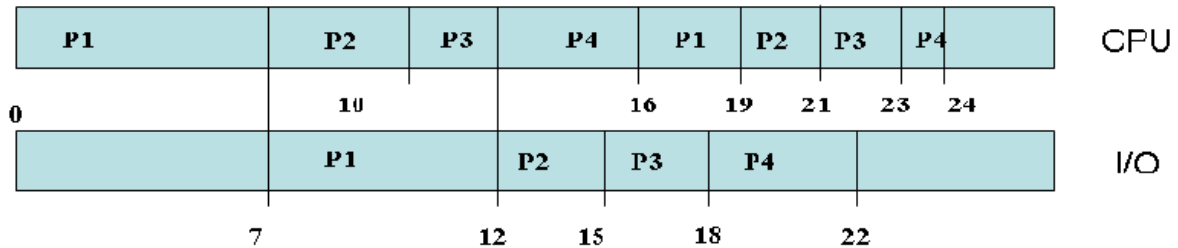
- 12.75 đơn vị thời gian
- 13.75 đơn vị thời gian

c. 14.75 đơn vị thời gian

d. 15.75 đơn vị thời gian

48. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process	Tarrive	Tcpu1	I/O	Tcpu2
P1	0	7	5	3
P2	1	3	3	2
P3	2	2	3	2
P4	3	4	4	1



Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P1 là

a. 2 đơn vị thời gian

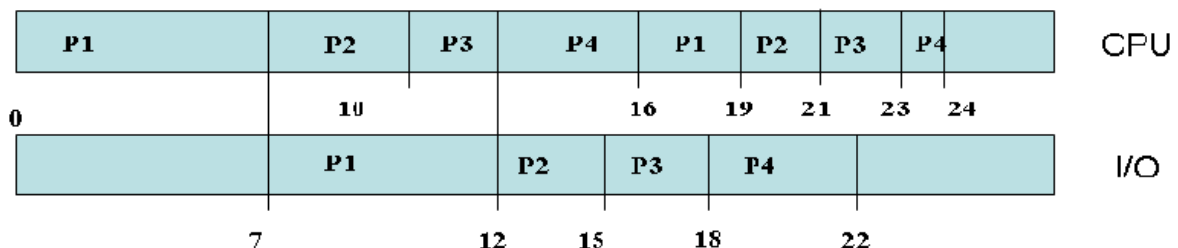
b. 3 đơn vị thời gian

c. 4 đơn vị thời gian

d. 5 đơn vị thời gian

49. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process	Tarrive	Tcpu1	I/O	Tcpu2
P1	0	7	5	3
P2	1	3	3	2
P3	2	2	3	2
P4	3	4	4	1



Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P4 là

a. 10 đơn vị thời gian

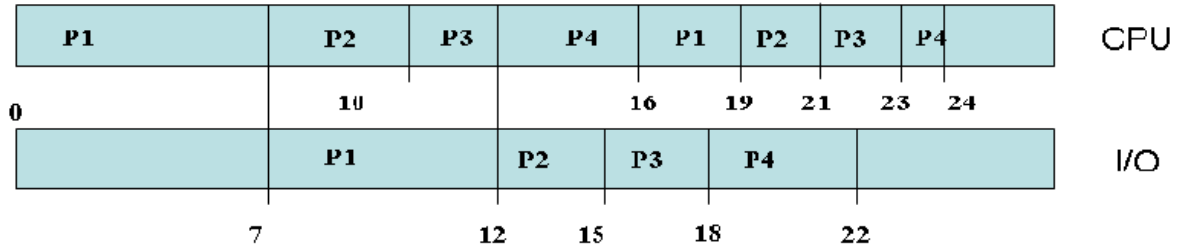
b. 8 đơn vị thời gian



- c. 6 đơn vị thời gian
- d. 12 đơn vị thời gian

50. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process	Tarrive	Tcpu1	I/O	Tcpu2
P1	0	7	5	3
P2	1	3	3	2
P3	2	2	3	2
P4	3	4	4	1

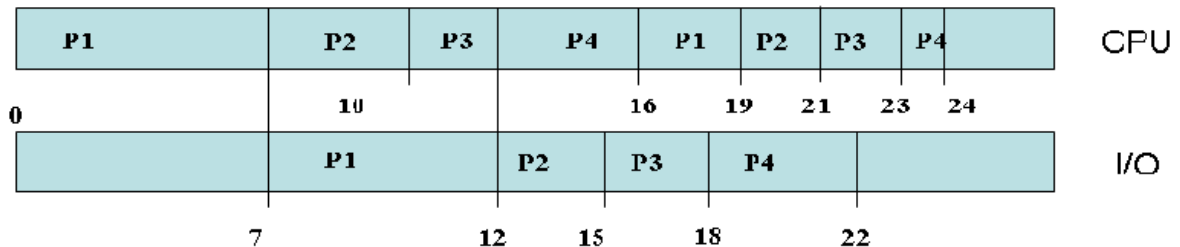


Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P2 là

- a. 7 đơn vị thời gian
- b. 8 đơn vị thời gian
- c. 9 đơn vị thời gian
- d. 10 đơn vị thời gian

51. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process	Tarrive	Tcpu1	I/O	Tcpu2
P1	0	7	5	3
P2	1	3	3	2
P3	2	2	3	2
P4	3	4	4	1



Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối FIFO. Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P3 là

- a. 7 đơn vị thời gian
- b. 9 đơn vị thời gian

52. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

53. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

P1	P2	P3	<i>P4</i>	P1	P1	P1	P1	P1	CPU
0	4	7	10	14	18	22	26	30	34

Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối Round Robin, với quantum (định mức thời gian) = 4 đơn vị thời gian . Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P1 và P3 là

- 10 và 7 đơn vị thời gian
- 9 và 7 đơn vị thời gian
- 11 và 7 đơn vị thời gian
- 8 và 7 đơn vị thời gian

54. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process		Tarrive	Tcpu1
P1		0	24
P2		0	3
P3		0	3
P4		0	4

P1	P2	P3	P4	P1	P1	P1	P1	P1	CPU
0	4	7	10	14	18	22	26	30	34

Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối Round Robin, với quantum (định mức thời gian) = 4 đơn vị thời gian . Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P2 và P4 là :

- 4 và 10 đơn vị thời gian
- 3 và 10 đơn vị thời gian
- 5 và 10 đơn vị thời gian
- 6 và 10 đơn vị thời gian

55. Giả sử có 4 tiến trình ký hiệu P1, P2, P3, P4 cho trong bảng sau:

Process	Tarrive	Tcpu1
P1	0	24
P2	0	3
P3	0	3
P4	0	4

P1	P2	P3	P4	P1	P1	P1	P1	P1
----	----	----	----	----	----	----	----	----

CPU

0                      4                      7                      10                      14                      18                      22                      26                      30                      34

Thời gian vào là P1, P2, P3, P4 áp dụng một chiến lược điều phối Round Robin, với quantum (định mức thời gian) = 4 đơn vị thời gian . Thời gian chờ ( waiting time ) khi thực hiện tiến trình P1 và P2 là :

- 10 và 6 đơn vị thời gian
- 10 và 5 đơn vị thời gian
- 10 và 4 đơn vị thời gian
- 10 và 3 đơn vị thời gian

56. Máy tính PC sử dụng hệ thống cơ sở nào để lưu trữ dữ liệu trên đĩa cứng?

- Hệ thập lục phân
- Hệ thập phân
- Hệ bát phân
- //Hệ nhị phân**

57. hệ điều hành là một thành phần quan trọng của mọi hệ thống máy tính. Một hệ thống máy tính có thể được chia thành những thành phần

- phần cứng
- hệ điều hành
- các chương trình ứng dụng người dùng
- tất cả các phương án trên đúng**

58. phần cứng (Hardware) thông thường bao gồm những gì?

- Bộ xử lý trung tâm CPU, bộ nhớ

- b. Thiết bị nhập/ xuất, bộ xử lý trung tâm
  - c. Trình biên dịch ứng dụng
  - d. Thiết bị nhập/ xuất, bộ nhớ, bộ xử lý trung tâm.**
59. mục đích chính của hệ điều hành là gì?
- a. Dễ dàng sử dụng
  - b. Điều hành hữu hiệu hệ thống máy tính
  - c. Cả 2 đáp án trên đều đúng**
60. hệ thống đa xử lý có những ưu điểm chính nào?
- a. Thông lượng được gia tăng và tiết kiệm được chi phí
  - b. Khả năng tin cậy được gia tăng
  - c. Cả 2 đáp án trên đều đúng**
61. các hệ thống thông dụng nhất hiện nay sử dụng đa xử lý đối xứng, vậy đa xử lý đối xứng có ý nghĩa là :
- a. tất cả các bộ xử lý là ngang hàng, không có mối quan hệ chủ - tớ tồn tại giữa các bộ xử lý.**
  - b. Có sự phân biệt rõ rệt giữa chủ và tớ giữa các bộ xử lý
  - c. Cả 2 đáp án trên đều sai
62. hệ máy phục vụ tính toán khác hệ thống máy phục vụ tập tin ở chỗ
- a. hệ máy chủ phục vụ tính toán cung cấp giao diện mà khách hàng có thể gửi các yêu cầu để thực hiện hoạt động, còn hệ máy phục vụ tập tin cung cấp giao diện hệ thống tập tin.**
  - b. Hệ máy phục vụ tập tin cung cấp giao diện mà khách hàng có thể gửi các yêu cầu để thực hiện hoạt động, còn hệ máy phục vụ tính toán cung cấp giao diện hệ thống tập tin.
  - c. Hệ máy tính toán giúp khách hàng có thể cập nhật, đọc và xóa tập tin còn hệ máy tập tin thì không
63. hệ thời thực có mấy dạng
- a. 2
  - b. 3**
  - c. 4
  - d. 5
64. nếu muốn một chương trình được thực thi thì nó phải
- a. ánh xạ các địa chỉ và được nạp vào bộ nhớ
  - b. truy xuất các chỉ thị chương trình và dữ liệu từ bộ nhớ bằng cách tạo ra các địa chỉ tuyệt đối.
  - c. cả 2 đáp án trên đều đúng**
65. để cải tiến việc sử dụng CPU và tốc độ đáp ứng của máy vi tính cho người dùng, chúng ta phải
- a. thay đổi chế độ làm việc của thời gian thực
  - b. giữ nhiều chương trình vào bộ nhớ**
  - c. tăng diện tích cho bộ nhớ chính
66. khi đề cập đến vấn đề quản lý bộ nhớ, hệ điều hành có nhiệm vụ:
- a. quyết định quá trình nào được nạp vào bộ nhớ khi không gian bộ nhớ trở nên sẵn sàng
  - b. cấp phát và thu hồi không gian bộ nhớ khi được yêu cầu
  - c. cả 2 đáp án trên đều đúng**
67. Chức năng nào sau đây phản ánh bản chất của việc giao tiếp giữa người dùng và máy (thông qua hệ điều hành) trong hệ thống tin học?

- a. **Nhập, xuất thông tin.**
  - b. Xử lý thông tin.
  - c. Truyền thông tin.
  - d. Lưu trữ thông tin.
68. Chọn đáp án sai:
- a. Hệ điều hành là tập hợp các chương trình được tổ chức thành một hệ thống với nhiệm vụ đảm bảo tương tác giữa người với máy tính.
  - b. **Học sử dụng máy tính nghĩa là học sử dụng hệ điều hành.**
  - c. Hệ điều hành tổ chức khai thác tài nguyên máy một cách tối ưu
  - d. Không có hệ điều hành máy tính không thể sử dụng được
69. Hệ điều hành được coi là:
- a. **Phần mềm hệ thống.**
  - b. Phần mềm ứng dụng.
  - c. Phần mềm tiện ích.
  - d. Phần mềm công cụ
70. Hệ điều hành thường được lưu trữ trong;
- a. ROM
  - b. RAM
  - c. **Bộ nhớ ngoài.**
  - d. Bộ xử lý trung tâm (CPU).
71. Khi khởi động máy tính, hệ điều hành được nạp vào:
- a. **//Bộ nhớ RAM**
  - b. Bộ nhớ ROM
  - c. Bộ nhớ ngoài
  - d. Bộ xử lý trung tâm
72. Hệ điều hành đảm nhiệm việc nào trong những việc nào dưới đây?
- a. Soạn thảo văn bản.
  - b. **Giao tiếp với ổ đĩa cứng, quản lý bộ nhớ trong.**
  - c. Chơi trò chơi điện tử.
  - d. Giải các bài toán trên máy tính.
73. Trong các chức năng sau, chức năng nào không phải là chức năng của hệ điều hành?
- a. Đảm bảo giao tiếp giữa người dùng và máy.
  - b. **Thực hiện tìm kiếm thông tin trên Internet.**
  - c. Tổ chức quản lý và sử dụng một cách tối ưu tài nguyên của máy tính.
  - d. Cung cấp phương tiện để thực hiện các chương trình khác.
74. Tìm câu đúng:
- a. **Hệ điều hành có các chương trình để quản lý bộ nhớ.**
  - b. Hệ điều hành thường được cài đặt sẵn khi sản xuất máy tính.
  - c. Hệ điều hành phải có thành phần để kết nối mạng Internet.
  - d. Hệ điều hành được lưu trữ trong RAM
75. Hệ điều hành được nạp:
- a. **Trước khi các chương trình ứng dụng được kích hoạt.**
  - b. Sau khi các chương trình ứng dụng được kích hoạt.
  - c. Trong khi các chương trình ứng dụng được kích hoạt.
  - d. Khi các chương trình ứng dụng có yêu cầu nạp hệ điều hành.
76. Trong hệ điều hành Windows tệp tin nào sau đây không hợp lệ:
- a. tai lieu.doc
  - b. danh sach hoc sinh.xls

- c. index.html
  - d. **vanhoc.txt**
77. Phần mở rộng của tên tệp (nếu có) thể hiện:
- a. **Kiểu tệp tin.**
  - b. Kích thước tệp.
  - c. Ngày giờ thay đổi tệp.
  - d. Tên tệp.
78. Câu nào sau đây sai?
- a. Hệ quản lí tệp cho phép người dùng xem nội dung tệp/ thư mục.
  - b. Hệ quản lí tệp cho phép người dùng tạo thư mục, đổi tên, xoá thư mục.
  - c. Hệ quản lí tệp cho phép người dùng sao chép, di chuyển tệp/ thư mục.
  - d. **Hệ quản lí tệp cho phép quản lí tất cả các chức năng khác nhau trong máy tính**
79. Tệp tin thường được lưu trữ tại:
- a. RAM
  - b. ROM
  - c. Bộ xử lí trung tâm
  - d. **Bộ nhớ ngoài.**
80. Trong hệ điều hành MS – DOS cách đặt tên tệp nào sau đây là sai?
- a. Bai\_tap.doc
  - b. tailieu.txt
  - c. **Van hoc.doc**
  - d. baitap1.xls
81. Trong hệ điều hành Windows tên tệp có độ dài tối đa là:
- a. 8 kí tự.
  - b. 11 kí tự.
  - c. **255 kí tự.**
  - d. 256 kí tự
82. Trong các câu sau câu nào không phải là nhiệm vụ của hệ quản lí tệp?
- a. Tổ chức thông tin trên bộ nhớ ngoài
  - b. Cung cấp các dịch vụ để đọc/ ghi thông tin trên bộ nhớ ngoài dễ dàng.
  - c. Đảm bảo cho các chương trình đang hoạt động trong hệ thống có thể đồng thời truy cập tới các tệp.
  - d. **Quản lí các thiết bị vật lý kết nối đến máy tính**
83. Tìm câu sai. *Ưu điểm của hệ quản lí tệp là:*
- a. **Làm giảm thời gian truy cập thông tin.**
  - b. Tổ chức thông tin một cách khoa học.
  - c. Tiết kiệm không gian đĩa.
  - d. Tìm kiếm thông tin dễ dàng.
84. Chọn đáp án đúng cho trình tự các thao tác.
- a. Bật máy → Máy tính kiểm tra bộ nhớ trong và các thiết bị phần cứng → Người dùng làm việc → Hệ điều hành được nạp vào bộ nhớ trong.
  - b. Bật máy → hệ điều hành được nạp vào bộ nhớ trong → máy tính kiểm tra bộ nhớ trong và các thiết bị phần cứng → Người dùng làm việc.
  - c. **Bật máy → Máy tính kiểm tra bộ nhớ trong và các thiết bị phần cứng → hệ điều hành được nạp vào bộ nhớ trong → Người dùng làm việc.**

- d. Bật máy → hệ điều hành được nạp vào bộ nhớ trong → Người dùng làm việc  
→ Máy tính kiểm tra các thiết bị phần cứng.
85. Tìm phương án sai : Trong hệ quản lý tệp cho phép tồn tại hai tệp với đường dẫn:
- C:\ KHOI10\Tin\ Kiemtra.txt và C:\ KHOI10\Tin\ KIEMTRA.TXT**
  - C:\ KHOI10\Tin\ Kiemtra.txt và C:\ KHOI10\Van\ Kiemtra.txt
  - C:\ KHOI10\Tin\ Kiemtra.txt và D:\ KHOI10\Tin\ Kiemtra.txt
  - C:\ KHOI10\Tin\ Kiemtra.txt và C:\ KHOI10\Tin\ Thuc hanh\ Kiem tra.txt
86. Cách tắt máy an toàn khi thoát khỏi hệ thống.
- Vào Start → Turn Off(Shutdows) → Turn Off (Shut Down)**
  - Vào Start → Tunoff(Shut Down) → Reset
  - Nhấn nút nguồn (Power) trên thân máy
  - Nhấn nút Reset trên thân máy
87. nhiệm vụ của bộ phận quản lý tiến trình của hệ điều hành là:
- tạo lập, hủy bỏ tiến trình, tạm dừng, tái kích hoạt tiến trình
  - Tạo cơ chế thông tin liên lạc giữa các tiến trình
  - Tạo cơ chế đồng bộ hóa giữa các tiến trình
  - Cả 3 đáp án đều đúng
88. nhiệm vụ của bộ phận quản lý bộ nhớ chính của hệ điều hành là:
- cấp phát và thu hồi vùng nhớ
  - ghi nhận trạng thái của bộ nhớ chính
  - quyết định tiến trình nào được nạp vào bộ nhớ và bảo vệ bộ nhớ
  - Cả 3 đáp án đều đúng
89. nhiệm vụ của bộ phận quản lý bộ nhớ phụ của hệ điều hành là:
- quản lý không gian trống trên đĩa
  - định vị lưu trữ thông tin trên đĩa
  - lập lịch cho vấn đề đọc/ ghi thông tin trên đĩa của đầu từ
  - Cả 3 đáp án đều đúng
90. “hệ thống lưu trữ phụ ” là khái niệm mô tả
- Bộ nhớ ảo
  - Ram, thanh ghi, cache
  - Ram, CPU, các thiết bị nhập/ xuất
  - Các loại đĩa từ
91. Hệ điều hành nào sau đây không có cơ chế dòng lệnh ?
- Ms-dos
  - Windows xp
  - Windows vista
  - Không câu nào đúng
92. Master boot record chứa các thông tin về :
- Chương trình boot-strap dùng để khởi động hệ điều hành
  - Các thông tin mô tả bảng fat trên ổ cứng .
  - bảng mô tả partition : Vị trí bắt đầu , kích thước , kiểu .
  - tất cả đều đúng
93. ưu điểm của bảng fat NTFS so với FAT32 là :
- Kích thước cluster lớn hơn .
  - hỗ trợ truy xuất dữ liệu nhanh hơn .
  - Có cơ chế bảo mật và sửa lỗi trên các file , folder
  - tất cả các câu đều đúng



94. cách tốt nhất để lưu một tệp trên đĩa từ là lưu tệp đó trong một vùng liên tục. hãy chọn cách giải thích đúng nhất
- nó loại các vùng không ghi của đĩa từ và toàn bộ đĩa có thể dùng được
  - nó làm giảm bớt vùng cần để lưu thông tin quản lý tệp, và vì vậy khoảng đĩa còn trống cho người dùng tăng lên nhiều nhờ việc đó.
  - Ít xảy ra lỗi hơn so với trường hợp khi tệp được ghi trong các vùng đã được phân chia
  - Đầu từ chuyển động ít hơn khi đọc dữ liệu, vì vậy thời gian đọc ngắn hơn.
95. giải thích nào sau đây là thích hợp nhất cho cách tổ chức tuần tự được đánh chỉ số, một trong những cách tổ chức tệp
- truy nhập trực tiếp tới bản ghi có thể thực hiện được bằng cách sử dụng địa chỉ của mỗi bản ghi.
  - Những bản ghi được ghi theo trật tự vật lý. Chỉ truy nhập tuần tự mới truy xuất được
  - Nó bao gồm vùng để lưu trữ các bản ghi và vùng để lưu trữ thông tin về khóa của các bản ghi.
  - Nó bao gồm một vùng dữ liệu được gọi là thành viên và một vùng thư mục kiểm soát thông tin thành viên
96. Lịch sử phát triển của hệ điều hành qua
- 2 giai đoạn
  - 3 giai đoạn
  - 4 giai đoạn**
  - 5 giai đoạn
97. Kiến trúc của một hệ thống máy tính gồm:
- 2 phần
  - 3 phần
  - 4 phần
  - 5 phần
98. hãy chọn phương án đúng cho hiện tượng các phần nhỏ không sử dụng trong bộ nhớ được tạo thành từ nhiều lần cấp phát và giải phóng vùng bộ nhớ
- phân đoạn
  - tráo đổi
  - phân Trang
  - phân mảnh
99. hãy chọn cách giải thích đúng nhất cho khái niệm dịch địa chỉ động
- dịch địa chỉ ảo thành địa chỉ thực trong hệ thống bộ nhớ ảo.
  - thay đổi địa chỉ cơ sở của chương trình đang được thực hiện để chuyển và thực hiện nó tại địa điểm khác
  - thực hiện (gián tiếp) việc đọc và ghi bộ nhớ chính bằng bộ nhớ Cache
  - giải quyết các tham chiếu địa chỉ giữa các modun để thêm một modun trong quá trình thực hiện chương trình.
100. hệ điều hành Dos, Windows 95, 98, 2000, XP có sử dụng cơ chế định vị file trên đĩa từ gọi là FAT. Cơ chế FAT sử dụng kỹ thuật nào trong các kỹ thuật sau đây
- định vị liên tục
  - định vị theo mục lục
  - định vị theo danh sách liên kết địa chỉ khối
  - cả 3 kỹ thuật trên đều không đúng

